

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY



Dịch vụ kho
Warehousing



Kinh doanh xăng dầu
Petroleum Trading



Vận tải quốc tế
International freight forwarder



Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)

TÀI LIỆU

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	SỐ HIỆU VĂN BẢN
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế làm việc của Đại hội	018/2018/SOTRANS/QC-HĐQT
3	Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên HĐQT	019/2018/SOTRANS/QC-HĐQT
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017	012/2018/SOTRANS/BC-HĐQT
5	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017	02/BC-BKS
6	Báo cáo tình hình hoạt động, kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018	168/KVMN-BC
7	Tờ trình thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất (đã được kiểm toán) năm 2017 (Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) đầy đủ có thể download trên website www.sotrans.com.vn)	020/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
8	Tờ trình chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018	021/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
9	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017	022/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
10	Tờ trình các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018	023/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
11	Tờ trình trả thù lao HĐQT và BKS năm 2017 và dự kiến năm 2018	024/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
12	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018	003/TTr-BKS
13	Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (<i>kèm Dự thảo</i>)	025/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
14	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam (<i>kèm Dự thảo và Phụ lục</i>)	026/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
15	Tờ trình chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không cần thực hiện chào mua công khai	027/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
16	Tờ trình tăng số lượng thành viên HĐQT và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022	028/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT
17	TB về thông tin cổ đông hiện tại của SOTRANS	029/2018/SOTRANS/TB-HĐQT
18	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Thời gian tổ chức: vào lúc 8h30 Thứ hai ngày 23/04/2018

- Địa điểm: tại Phòng họp Khách sạn Victory
– số 14 Võ Văn Tần, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
I	KHAI MẠC ĐẠI HỘI
8h30' – 9h00'	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Cổ đông nhận thẻ biểu quyết, tài liệu Hội nghị
9h00' – 9h05'	Báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự Hội nghị
9h05' – 9h10'	Tuyên bố lý do Giới thiệu thành phần tham dự Giới thiệu chủ tọa Hội nghị Chủ tọa tuyên bố khai mạc Hội nghị
9h10' – 9h20'	Giới thiệu và thông qua Thư ký hội nghị Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc, quy chế bầu cử của hội nghị
II	TRÌNH BÀY CÁC TỜ TRÌNH VÀ THẢO LUẬN
9h20' – 10h20'	Trình bày các tờ trình, báo cáo: - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018; - Tờ trình thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất (đã được kiểm toán) năm 2017; - Tờ trình chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017; - Tờ trình phương án trả thù lao, lương HĐQT, BKS năm 2017 và dự kiến năm 2018; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018; - Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty; - Tờ trình chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không cần thực hiện chào mua công khai; - Tờ trình tăng số lượng thành viên HĐQT và bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022; - Thông báo về thông tin cổ đông hiện tại của SOTRANS.
10h20' – 10h40'	Thảo luận
10h40' – 10h50'	Hội nghị biểu quyết, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
III	GIẢI LAO VÀ KIỂM PHIẾU
10h50' – 11h05'	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử thành viên HĐQT
IV	KẾT THÚC HỘI NGHỊ
11h10' – 11h20'	Thông qua biên bản hội nghị
11h20' – 11h25'	Thông qua dự thảo nghị quyết hội nghị.
11h25' – 11h30'	Bế mạc

QUY CHẾ LÀM VIỆC

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ, đúng pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia hội nghị và thực hiện quyền biểu quyết, Ban tổ chức ĐHCĐ năm 2018 của Công ty xin báo cáo ĐHCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

1. Điều kiện tham dự cuộc họp ĐHCĐ:

- Cổ đông cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự họp ĐHCĐ (ngày 03/4/2018) có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp.
- Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.
- Trong thời gian diễn ra cuộc họp ĐHCĐ, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.
- Người được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự họp.

2. Ban chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ:

- Ban chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ gồm 01 Chủ tọa Đại hội và một số thành viên được Đại hội đồng biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Nhiệm vụ của Chủ tọa:
 - + Chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
 - + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội đồng thảo luận.
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
 - + Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng yêu cầu.
 - + Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

3. Thư ký cuộc họp ĐHCĐ:

- Thư ký cuộc họp do Chủ tọa giới thiệu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:
 - + Ghi chép biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung cuộc họp, soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

- + Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, trình bày trước Đại hội Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông, chuyển Chủ tọa quyết định.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định có chức năng và nhiệm vụ sau:
 - + Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: kiểm tra Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có).
 - + Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu họp của ĐHĐCĐ.
 - + Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 chỉ được tiến hành khi có đủ số lượng cổ đông đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.

5. Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử:

- Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử của Đại hội gồm 05 người: 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử gồm:
 - + Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
 - + Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
 - + Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022;
 - + Tiến hành phát, thu, kiểm đếm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử của các cổ đông theo đúng số cổ phần và quyền biểu quyết của từng cổ đông.
 - + Tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Báo cáo kết quả kiểm phiếu (biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội.
 - + Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

6. Thể thức và biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

- Nguyên tắc biểu quyết:

Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền, biểu quyết các vấn đề tại hội nghị bằng cách giơ thẻ (phiếu biểu quyết) các nội dung sau:
 - ✓ Thông qua Quy chế làm việc, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội,
 - ✓ Thông qua chương trình Đại hội,
 - ✓ Thông qua Thư ký Đại hội,
 - ✓ Thông qua Biên bản Đại hội tại Đại hội,
 - ✓ Thông qua Nghị quyết của Đại hội tại Đại hội.
- Các vấn đề khác được thông qua bằng phiếu biểu quyết (bao gồm danh mục các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội)

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề nêu trên sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- Riêng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, quyết định dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

7. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Tất cả các nội dung được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký cuộc họp ghi vào Biên bản, Nghị quyết. Biên bản, Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Quy chế này được trình và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua để việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;

Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

I. Số lượng, tiêu chuẩn và quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

1.1. Số lượng: 01 (một) thành viên

1.2. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên HĐQT:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

a. Đề cử thành viên HĐQT:

Cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2.3 Thông báo này được quyền làm Giấy đề cử (theo mẫu đính kèm Thông báo này) gửi tới Công ty để đề cử ứng cử viên thành viên HĐQT.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết **trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng** có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b. Ứng cử thành viên HĐQT:

Người ứng cử thành viên HĐQT phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT; người ứng cử phải làm Giấy ứng cử (theo mẫu đính kèm Thông báo này) gửi tới Công ty để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

III. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Giấy ứng cử/đề cử ứng viên tham gia HĐQT (theo mẫu đính kèm);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm)
- Bản sao hợp lệ: CMND/CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ chuyên môn, trình độ văn hóa.
- Tài liệu chứng minh/xác nhận số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền sở hữu liên tục ít nhất 6 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ngày 03/4/2018).

* **Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ:** theo như thông báo về việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT đã gửi đến Quý cổ đông và công bố thông tin trên website Công ty.

Các hồ sơ ứng cử, đề cử vào thành viên HĐQT được gửi đến Công ty không đủ các loại văn bản nêu trên được xem là không hợp lệ và không được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức đệ trình Đại hội đồng cổ đông Công ty tiến hành bầu cử. Người ứng cử/đề cử thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực và chính xác của nội dung hồ sơ ứng cử/đề cử của mình.

IV. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên:

Tất cả các ứng cử viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định đều được đưa vào danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

V. Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, do ban tổ chức phát hành, có đóng dấu của Công ty ở góc trên, bên trái của Phiếu;
- Danh sách ứng viên với tên của ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC và ghi đầy đủ họ, tên của ứng viên trên phiếu bầu;
- Cổ đông phải tự mình ghi vào phiếu bầu. Trong trường hợp phát hiện có sai sót hoặc ghi chép sai thì được quyền yêu cầu ban tổ chức cung cấp lại Phiếu mới, với điều kiện phải nộp lại phiếu bầu cũ.

* **Phiếu bầu hợp lệ:**

- Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu của Công ty CP Kho Vận Miền Nam, không có dấu hiệu tẩy xóa, cạo, sửa bất kỳ nội dung nào đã in trong phiếu. Số ứng cử viên chọn tối đa theo quy định và số cổ phần bầu cho ứng viên không được quá tổng số cổ phần bầu in trong phiếu bầu, gạch tên các ứng viên không bầu.

* **Phiếu bầu không hợp lệ:**

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong các điều kiện sau:

- Phiếu bầu không do Ban tổ chức phát hành, không có đóng dấu của Công ty;
- Phiếu bầu vượt quá số người quy định bầu tối đa tại Quy chế bầu cử;
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn, cạo sửa hoặc tẩy xóa trên phiếu;
- Phiếu bầu có số phiếu bầu cho ứng viên vượt quá Tổng số phiếu được quyền bầu in sẵn trên phiếu.

VI. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó.

VII. Kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử:

- Việc kiểm phiếu do Ban bầu cử thực hiện. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay tại Đại hội và được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội;
- Nguyên tắc trúng cử: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số quyền bầu nhận được từ các phiếu bầu hợp lệ, tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau;
- Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu để làm bằng chứng cho công tác bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung biên bản bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia Đại hội, số phiếu và tỷ lệ phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số phiếu trắng và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng viên Hội đồng quản trị và danh sách trúng cử.

VIII. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận và áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.

CÔNG TY CP KHO VẠN MIỀN NAM

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
NĂM 2017**

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014 và Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam sửa đổi lần thứ chín ban hành ngày 30/9/2016, Nghị quyết số 031/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2017 cụ thể như sau:

1. Cơ cấu HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam năm 2017 gồm 06 thành viên:

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2016: đến ngày 12/4/2017

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Bá Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quyết Thắng - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Văn Thịnh - Thành viên HĐQT
- Ông Đỗ Hoàng Phương - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022: từ ngày 12/4/2017

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Bá Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quyết Thắng - Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Vũ Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Đỗ Hoàng Phương - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

2. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 10 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao.
- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến đối với các thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty.

3. Các biên bản, nghị quyết/quyết định của HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua, được lưu giữ tại trụ sở công ty. Trong năm 2017, HĐQT đã họp định kỳ và đột xuất để ban hành 21 Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo kịp thời đối với các công tác xây dựng kế hoạch, công tác thường kỳ và các công tác khác theo thẩm quyền.

(Danh mục các nghị quyết, quyết định của HĐQT chi tiết xem tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2017, Báo cáo thường niên năm 2017 đã được công bố thông tin.)

4. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

HQĐT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, cụ thể:

4.1. HĐQT đã chỉ đạo đạt xấp xỉ kế hoạch kinh doanh năm 2017.

HQĐT và Ban điều hành Công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua ngày 12/04/2017 để triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHĐCĐ giao năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	đồng	885.600.000.000	890.371.887.744	100,53%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	300.847.654.960	296.880.318.937	98,68%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã kiểm toán

4.2. HĐQT đã chỉ đạo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2016 ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, trong đó năm 2016 không có chi trả cổ tức.

4.3. Cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu (1.500 đồng/cổ phiếu) theo phê duyệt của ĐHĐCĐ sẽ được chi trả bằng tiền mặt trong năm

2018. Cổ tức năm 2017 xin được điều chỉnh với tỷ lệ 15% được chi trả bằng cổ phiếu trong năm 2018.

- 4.4. Thù lao HĐQT, BKS năm 2017 sẽ được chi trả trong năm 2018.
- 4.5. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.
- 4.6. Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017, đã chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không cần thực hiện chào mua công khai, với tỷ lệ sở hữu lên 30% vốn điều lệ của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

6. Thù lao của HĐQT năm 2017:

- Trong năm 2017, Công ty đã chi trả thù lao của HĐQT năm 2016 là 432.000.000 đồng.
- Thù lao HĐQT năm 2017 được trình ĐHĐCĐ thông qua: Chủ tịch HĐQT là 8 triệu đồng/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT là 6 triệu đồng/tháng, Thành viên HĐQT là 5 triệu đồng/người/tháng. Tổng thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 trình ĐHĐCĐ thông qua là 408.000.000 đồng.

7. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

8. Báo cáo tình hình quản trị của Công ty năm 2017

Các báo cáo tình hình quản trị của Công ty trong năm được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

II. Phương hướng hoạt động năm 2018:

HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2018 như sau:

- o Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành triển khai các giải pháp

quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.

- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục sắp xếp, bố trí Người đại diện tại các công ty trong hệ thống Sotrans nhằm phát huy năng lực gắn liền với trách nhiệm với từng cá nhân, phát huy vai trò của Người đại diện và Ban kiểm soát tại các đơn vị để phát hiện, đánh giá và xử lý kịp thời, có hiệu quả các rủi ro phát sinh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành, giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

CÔNG TY CP KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
Về hoạt động kiểm soát năm 2017

- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 36 Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam được bổ sung sửa đổi lần thứ chín ngày 30/9/2016;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông thường niên 2018 kết quả hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát với những nội dung chính sau:

I. Hoạt động và thù lao Ban Kiểm soát:

1.1. Nhân sự Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 3 thành viên, trong đó:
 - Nhiệm kỳ 2012-2016: Từ ngày 01/01/2017 – 12/4/2017: 2 thành viên
 - o Bà Nguyễn Thị Oanh: Trưởng Ban
 - o Bà Trần Thị Thanh Bình: Thành viên
 - Nhiệm kỳ 2017-2022: Từ ngày 12/4/2017 – 31/12/2017: 3 thành viên
 - o Bà Nguyễn Thị Oanh: Trưởng Ban
 - o Bà Trần Thị Thanh Bình: Thành viên
 - o Bà Ngô Thị Thanh Thủy: Thành viên.

1.2. Các cuộc họp chính của Ban kiểm soát:

- Thông qua các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2016 và nhiệm kỳ 2012-2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 trình ĐHĐCĐ.
- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng cuối năm 2017.

1.3. Các hoạt động khác:

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của HĐQT.
- Khảo sát các dữ liệu đánh giá tình hình công nợ của Công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm 2017.
- Phối hợp Ban Giám đốc xét chọn thầu đối với việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017. Căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã trúng thầu kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2017. Xem xét thư quản lý, cũng như ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty.

2. Thù lao Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát nhận được thù lao của năm 2016 là 60.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2017: Trưởng BKS là 3 triệu đồng/tháng, Thành viên BKS là 1 triệu đồng/người/tháng. Tổng thù lao BKS năm 2017 trình ĐHCĐ thông qua là 60.000.000 đồng.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:

1. Tình hình hoạt động Công ty:

- Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2017 theo báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty đã phản ánh phù hợp thực tế. Ban kiểm soát nhất trí các nội dung chủ yếu trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2017 Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên.

2. Tình hình tài chính Công ty:

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2017:

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tổng tài sản	VND	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
+ Tài sản ngắn hạn	VND	323.214.545.627	227.749.062.419
+ Tài sản dài hạn	VND	1.516.087.840.572	1.501.560.654.093
2. Tổng nguồn vốn	VND	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
+ Nợ ngắn hạn	VND	287.295.254.920	221.022.513.526
+ Nợ dài hạn	VND	359.604.401.213	598.493.480.972
+ Vốn chủ sở hữu	VND	1.192.402.730.066	909.793.722.014
3. Doanh thu bán hàng, dịch vụ	VND	890.371.887.744	723.691.353.721
4. Lợi nhuận sau thuế	VND	287.414.919.262	58.839.314.013

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán.

III. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Trên cơ sở thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, năm 2017, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng mục tiêu phát triển kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị công ty đã phê chuẩn nhiều vấn đề quan trọng để tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của Công ty.
- Trong hoạt động quản lý, Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị công ty.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

Ngoài sự giám sát thường xuyên hoạt động của công ty. Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty trên nhiều lĩnh vực liên quan trong hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ, cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát kịp thời.

V. Kiến nghị:

Qua các vấn đề trình bày, Ban kiểm soát đề xuất các kiến nghị sau:

- Tích cực thu hồi, giảm công nợ phải thu để tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi.
- Cần nâng cấp chương trình quản lý nhằm gia tăng tính kiểm soát và cung cấp đầy đủ các dữ liệu, thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành quy trình hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty để làm cơ sở đánh giá hoạt động, kiểm tra, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2018:

Với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, Ban kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát công tác xây dựng kế hoạch, các giải pháp, và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018, thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính năm 2018.
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2018.
- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu của cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, và mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để việc tổng hợp, phân tích trong các kỳ báo cáo tới được hoàn thiện hơn.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu BKS, TK.



NGUYỄN THỊ OANH

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:

1.1. Bối cảnh:

- Kinh tế thế giới phục hồi.
- Tình hình chính trị trong nước ổn định.
- Thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017.

1.2. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2017:

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 (tăng/giảm) so với năm 2016 (%)	
Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	+6,81%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	+2,9%
Công nghiệp và xây dựng	+8,0%
Dịch vụ	+7,44%
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+21,1%
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+20,8%

Nhận xét: Tình hình kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, ổn định hơn so với năm 2016. Tuy nhiên, vẫn còn tồn đọng những khó khăn, đặc biệt là tình hình thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước nhà.

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:

- Tính đến hết 12 tháng/2016 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt hơn 425,12 tỷ USD, tăng 21,1%, tương ứng tăng gần 73,74 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

2.1. Xuất khẩu:

- Xuất khẩu đạt hơn 214,01 tỷ USD, tăng 21,2%, tương ứng tăng gần 37,44 tỷ USD.

- Thị trường xuất khẩu năm 2017 của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực Châu Á với kim ngạch hơn 111,95 tỷ USD, chiếm 52,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó nổi bật như: thị trường Trung Quốc với kim ngạch hơn 35.46 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 16,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

2.2. Nhập khẩu:

- Nhập khẩu đạt hơn 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%, tương ứng tăng hơn 36,35 tỷ USD.
- Thị trường nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam năm 2017 tập trung tại Châu Á với kim ngạch hơn 172,83 tỷ USD, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm tỷ trọng 81,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trong đó, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc với kim ngạch gần 58,23 tỷ USD, tăng 16,4%, và chiếm tỷ trọng 27,6%; đứng thứ 2 là thị trường Hàn Quốc đạt kim ngạch 46,73 tỷ USD, tăng 45,3%, chiếm tỷ trọng 22,1%;...

III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS:

3.1 Tình hình chung:

Vận tải hàng hóa đạt 1.442,9 triệu tấn, tăng 9,8% so với năm trước và 268,9 tỷ tấn.km, tăng 6,8%, trong đó:

- Vận tải trong nước đạt 1.410 triệu tấn, tăng 10% và 136,5 tỷ tấn.km, tăng 11%;
- Vận tải ngoài nước đạt 33 triệu tấn, tăng 0,7% và 132,4 tỷ tấn.km, tăng 2,7%.

Xét theo ngành vận tải:

- Đường bộ đạt 1.117,8 triệu tấn, tăng 10,4% và 72,1 tỷ tấn.km, tăng 11,2% so với năm trước;
- Đường sông đạt 249,6 triệu tấn, tăng 7,5% và 53,1 tỷ tấn.km, tăng 8,2%;
- Đường biển đạt 69,6 triệu tấn, tăng 9,4% và 139,2 tỷ tấn.km, tăng 3,9%;
- Đường sắt đạt 5,6 triệu tấn, tăng 8,2% và 3,2 tỷ tấn.km, giảm 19,4%.
- Đường hàng không đạt 0,3 triệu tấn, tăng 21,6% và 3,6 tỷ tấn.km, tăng 11,3%.

3.2 Thuận lợi:

- Tình hình chính trị, xã hội tương đối ổn định.
- Chính phủ có sự quan tâm lớn đến việc phát triển ngành Logistics thông qua các định hướng quy hoạch vùng logistics rõ ràng.

- Nhu cầu hàng hóa và dịch vụ của thế giới tiếp tục tăng.
- Thị trường xuất nhập khẩu nói chung và thị trường logistic nói riêng đều có sự gia tăng về sản lượng và chỉ số giá.
- Thị trường Kho bãi trong năm 2017 tiếp tục ổn định và có nhiều triển vọng.

3.3 Khó khăn:

- Cạnh tranh trên thị trường logistic ngày càng gay gắt, số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường ngày càng nhiều.
- Cơ sở hạ tầng phục vụ ngành logistics chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển.
- Nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp logistics Việt Nam còn thiếu hụt và thiếu chuyên môn.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) trong các hoạt động logistics hiện còn ở mức rất khiêm tốn.
- Tâm lý doanh nghiệp Việt thích sử dụng việc nhập CIF và xuất FOB.
- Quy trình hải quan dù đã có những cải cách tuy nhiên vẫn còn bất cập.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

▪ Kết quả hoạt động SXKD riêng SOTRANS:

Chỉ tiêu	Năm 2017	So sánh năm 2016	So sánh kế hoạch 2017
	(Tỷ VND)	%	%
Doanh thu	890,37	123	100,5
Lợi nhuận gộp	167,16	123,7	102,8
Lợi nhuận trước thuế	296,88	399,1	98,7
Lợi nhuận sau thuế	287,41	488,4	96,6

Dự án kho Sotrans Phú Mỹ đi vào hoạt động từ tháng 1/2017 cùng với việc phát triển hệ thống đại lý mới đã đóng góp phần lớn vào việc tăng trưởng doanh thu năm 2017 của Sotrans, đưa tốc độ tăng trưởng doanh thu của Sotrans lên đến 123% so với năm 2016. Ngoài ra, phương án đầu tư đội xe vận tải tuy chưa đạt được hiệu suất hoạt động tối đa nhưng đã cắt giảm được chi phí làm hàng cho hoạt động Giao nhận nội địa, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng về lợi nhuận gộp là 123,7% so với cùng kỳ.

Năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Sotrans tăng trưởng đột biến so với năm 2016 là do ghi nhận khoản thu cổ tức từ các công ty con tương đương 285.9 tỷ đồng. Các chi phí hoạt động trong năm 2017 cũng được Sotrans kiểm soát hiệu quả.

▪ **Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất SOTRANS:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	So sánh năm 2016	So sánh kế hoạch 2017
	(Tỷ VND)	%	%
Doanh thu	1.454,85	115,3	82,7
Lợi nhuận gộp	280,4	112,5	73,8
Lợi nhuận trước thuế	653,27	499,9	85,2
Lợi nhuận sau thuế	521,28	467,7	82,2

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh hàng dự án của vận tải siêu trường siêu trọng do các dự án Sông Hậu, Long Phú, Thăng Long ... mới triển khai ở giai đoạn đầu, về cơ bản những lô đầu dự án có giá trị và khối lượng thực hiện thấp. Bên cạnh đó, việc tạm dừng vận tải cho khách hàng Formosa do các sự cố về môi trường cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Sotrans Hà Tĩnh.

Tuy nhiên ngành hàng logictis ghi nhận sự tăng trưởng khả quan trong nửa cuối năm 2017 đã bù đắp cho mảng kinh doanh dự án siêu trường, siêu trọng và đóng góp lớn vào doanh thu chung của Sotrans group chủ yếu từ việc giá cước vận tải trên thị trường tăng và sản lượng tăng nhẹ cũng như hoạt động kinh doanh kho bãi cũng cho thấy những kết quả rất khả quan.

4.2. Các hoạt động tiêu biểu trong năm:

- **Khánh thành Kho Sotrans Phú Mỹ:** ngày 31/03/2017 tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
 - Kho SOTRANS Phú Mỹ có tổng diện tích 50.000 m2, trong đó bao gồm 20.000 m2 kho hàng xá và 10.000 m2 kho hàng tổng hợp. Được thiết kế linh hoạt nên vào các tháng cao điểm của hàng xá; sức chứa hàng xá có thể lên tới 30.000 m2 kho. Hệ thống kho được đầu tư hoàn chỉnh bao gồm hệ thống cân điện tử 80 tấn để hỗ trợ khách hàng trong việc cân tải trọng xe, 2 hệ thống PCCC đảm bảo an toàn hàng hóa.
 - Có vị trí chiến lược liên thông với hệ thống Cảng Cái Mép - Thị Vải.

▪ **Khánh thành depot Mỹ Phước:**

- Depot SOTRANS Mỹ Phước có diện tích 4.200 m² với lợi thế vị trí sát giao lộ Mỹ Phước - Tân Vạn - Võ Văn Kiệt, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương nên dễ dàng kết nối các KCN như KCN Mỹ Phước 1, 2, 3 về khu vực TP. HCM và hệ thống Cảng Bình Dương, Đồng Nai, Long Bình, Cát Lái. Đây là điểm trung chuyển và nâng, hạ container lý tưởng cho khu vực Bình Dương.
- Depot SOTRANS Mỹ Phước liên thông với hệ thống Logistics mạnh mẽ của SOTRANS giúp khách hàng được phục vụ hiệu quả và rút ngắn thời gian làm hàng.

V. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

▪ **Kế hoạch hoạt động SXKD riêng SOTRANS:**

STT	CÁC CHỈ TIÊU	SOTRANS
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	1.001.872.283.636
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	166.241.538.887
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.731.923.880
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	113.746.506.096

Năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng 12,6% về doanh thu, trong đó chủ yếu đến từ phát triển Đại lý mới và mạng lưới Giao nhận nội địa. Riêng mảng kinh doanh Kho bãi có những khó khăn nhất định, khi các cụm Kho Phước long, Ngân Thạnh, Long Việt (hơn 40,000m²) hết hạn Hợp đồng hợp tác, kho Bến Súc (5,000m²) chấm dứt hoạt động. Về chỉ tiêu Lợi nhuận, mặc dù hoạt động kho bãi bị thu hẹp (ước tính giảm khoảng 45 tỷ DT và 18 tỷ LN), nhưng Công ty đặt mục tiêu giữ Lợi nhuận ổn định ở mức 166,2 tỷ (99,5% so với năm 2017).

▪ **Kế hoạch hoạt động SXKD hợp nhất SOTRANS:**

STT	CÁC CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT
1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	1.657.861.264.661
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	353.780.367.187
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	202.010.917.221
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	171.418.733.777

Kế hoạch hợp nhất 2018 Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng khoảng 11,7% về Doanh thu và 26,1% về Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh.

• **Định hướng hoạt động chính trong năm 2018:**

Công ty tiếp tục phát triển sản phẩm chuỗi Dịch vụ Logistics dựa trên nền tảng thế mạnh của hệ thống: Đại lý - Cước quốc tế - Cảng – DV thông quan – Vận tải thủy/bộ - Kho bãi.

Trong năm 2018, Công ty đặt mục tiêu phát triển sản phẩm mới đối với phân khúc Phân phối/contract logistics.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư từng bước vào hệ thống hạ tầng, phương tiện trang thiết bị, công nghệ thông tin.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG VŨ THÀNH

TỜ TRÌNH*Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán, bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 61113814/19357558 đối với Báo cáo tài chính riêng;
- Báo cáo kiểm toán độc lập số 61113814-19357558/HN đối với Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất;
- Các thuyết minh báo cáo tài chính riêng và hợp nhất;

Một số thông tin tóm tắt về Báo cáo tài chính riêng năm 2017 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam như sau:

I. Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã được kiểm toán**1. Bảng cân đối kế toán***Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017
I	Tổng tài sản	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
1	Tài sản ngắn hạn	323.214.545.627	227.749.062.419
2	Tài sản dài hạn	1.516.087.840.572	1.501.560.654.093
II	Tổng nguồn vốn	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
1	Nợ phải trả	646.899.656.133	819.515.994.498
2	Vốn chủ sở hữu	1.192.402.730.066	909.793.722.014

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu thuần	890.371.887.744	723.691.353.721
2	Lợi nhuận trước thuế	296.880.318.937	74.380.280.922
3	Lợi nhuận sau thuế	287.414.919.262	58.839.314.013

II. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán

1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017
I	Tổng tài sản	2.473.415.688.389	2.289.580.699.958
1	Tài sản ngắn hạn	1.254.526.687.921	761.412.010.727
2	Tài sản dài hạn	1.218.889.000.468	1.528.168.689.231
II	Tổng nguồn vốn	2.473.415.688.389	2.289.580.699.958
1	Nợ phải trả	956.061.367.957	1.054.810.624.835
2	Vốn chủ sở hữu	1.517.354.320.432	1.234.770.075.123

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu thuần	1.454.854.769.890	1.261.252.195.496
2	Lợi nhuận trước thuế	653.271.634.750	130.689.768.947
3	Lợi nhuận sau thuế	388.324.231.990	86.388.224.195

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam tại địa chỉ: www.sotrans.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH

Về việc chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018 như sau:

I. Cổ tức năm 2017:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã phê duyệt mức cổ tức năm 2017 là 15% trên vốn điều lệ bằng tiền mặt.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét điều chỉnh chi trả cổ tức năm 2017:
 - o Điều chỉnh hình thức chi trả cổ tức: bằng cổ phiếu
 - o Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017:
 - + Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu: **15%** (Mười lăm phần trăm)
Tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền và cổ đông có 100 cổ phiếu có quyền được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)
 - + Số lượng cổ phiếu phát hành: **12.815.681 cổ phiếu**, tương đương 15% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (85.437.879 cổ phiếu).
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - + Giá trị phát hành theo mệnh giá: **128.156.810.000 đồng**
 - + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

- + Nguồn vốn sử dụng phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật và quyết định các nội dung, công việc, vấn đề phát sinh để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
1. Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành; Lựa chọn thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền thích hợp và sau khi UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
 2. Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sotrans theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
 3. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
 4. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;
 5. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT hiệu chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu, nội dung liên quan đến phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.

II. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018:

- Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua cổ tức năm 2018 là **15%** trên vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2017

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	Đồng	885.600.000.000	890.371.887.744	100,54%
2	Tổng chi phí	"	820.650.000.000	822.746.853.694	100,26%
2	Lợi nhuận trước thuế	"	300.847.654.960	296.880.318.937	98,68%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	297.592.654.960	287.414.919.262	96,58%
4	Phân phối lợi nhuận sau thuế:	"			
4.1	Trả cổ tức	%	15%	15%	
	<i>Hình thức chi trả bằng:</i>		<i>tiền mặt</i>	<i>cổ phiếu</i>	
4.2	Thanh toán Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	468.000.000	468.000.000	
4.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	"		3.500.000.000	
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	"	297.196.654.960	281.270.620.877	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH*Về việc thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và nhu cầu khách hàng năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh riêng:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	890.371	1.001.872
2.	Lợi nhuận trước thuế	“	296.880	118.731
3.	Lợi nhuận sau thuế	“	287.414	113.746
4.	Cổ tức	%/năm	15%	15%

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.454.854	1.657.861
2.	Lợi nhuận trước thuế	“	653.271	202.010
3.	Lợi nhuận sau thuế	“	521.277	171.418

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và nhu cầu khách hàng năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh riêng:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	890.371	1.001.872
2.	Lợi nhuận trước thuế	“	296.880	118.731
3.	Lợi nhuận sau thuế	“	287.414	113.746
4.	Cổ tức	%/năm	15%	15%

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.454.854	1.657.861
2.	Lợi nhuận trước thuế	“	653.271	202.010
3.	Lợi nhuận sau thuế	“	521.277	171.418

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CHỦ TỊCH****NGUYỄN VĂN TUẤN**

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát năm 2017 và dự kiến năm 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và dự kiến năm 2018 như sau:

DVT : đồng

STT	Chức danh	Số thành viên	Năm 2017	Dự kiến năm 2018	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	06 người	408.000.000	900.000.000	Trình ĐHCĐ tầng 01 TV.HĐQT
2	Ban kiểm soát	03 người	60.000.000	168.000.000	
Tổng cộng			468.000.000	1.068.000.000	

Trong đó:

- *Thù lao năm 2017:* Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8 triệu đồng/tháng; Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6 triệu đồng/tháng; Thành viên Hội đồng quản trị: 5 triệu đồng/tháng; Trưởng Ban kiểm soát: 3 triệu đồng/tháng; Thành viên Ban kiểm soát: 1 triệu đồng/tháng.
- *Thù lao năm 2018:* Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/tháng; Thành viên Hội đồng quản trị: 10 triệu đồng/tháng; Trưởng Ban kiểm soát: 6 triệu đồng/tháng; Thành viên Ban kiểm soát: 4 triệu đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ nhu cầu kiểm toán của Công ty,

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam (SOTRANS) kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018 của SOTRANS như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Chọn một đơn vị kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết.
- Là một trong những công ty kiểm toán Việt Nam hoặc quốc tế hàng đầu; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC trong lĩnh vực Logistics – Dịch vụ kho bãi – Vận tải theo các quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS).
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán và có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban kiểm soát xin đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018 như sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN THỊ OANH

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam, được sửa đổi để phù hợp với quy định pháp luật mới áp dụng đối với công ty đại chúng. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

DỰ THẢO



Dịch vụ kho
Warehousing



Kinh doanh xăng dầu
Petroleum Trading



Vận tải quốc tế
International freight forwarder



Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2018/SOTRANS/NQ-ĐHĐCĐ
ngày 23 tháng 4 năm 2018)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Chứng khoán năm 2006 sửa đổi bổ sung năm 2010; Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng; Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; Điều lệ Công ty và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.

Điều 2. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban Kiểm soát.
3. Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
6. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
7. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Định nghĩa

- a. Ban Tổng giám đốc: Bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc
- b. Ban Điều hành: Bao gồm Ban Tổng giám đốc và các Giám đốc chuyên môn.
- c. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.
- d. Người điều hành doanh nghiệp: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- e. Điều lệ: là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.
- f. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích ở đây sẽ có nghĩa như quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật liên quan.

2. Các từ viết tắt

- a. Công ty : Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam
- b. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- c. HĐQT : Hội đồng quản trị
- d. TGD : Tổng Giám Đốc

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.
 - Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty được gửi kèm theo Thông báo mời họp và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó; chữ ký của cá nhân được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa (hoặc Ban kiểm phiếu) thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp

- Cổ đông phản đối việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên thẻ biểu quyết.
- Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết không tán thành việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 11. Áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại trong việc tham dự và phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông

- Công ty có thể áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Tùy nhu cầu và tình hình cụ thể, Hội đồng quản trị có quyền tổ chức triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại (như hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác...) để cổ đông có thể tham dự, phát biểu và biểu quyết tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Việc áp dụng công nghệ thông tin

tin hiện đại như vậy phải được thông báo tới các cổ đông trước kỳ họp bằng cách đăng tải thông báo và hướng dẫn áp dụng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 14. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
 - c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích lấy ý kiến;
 - ✓ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - ✓ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - ✓ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - ✓ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền.

- e. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- ✓ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - ✓ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- f. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- g. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- ✓ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ✓ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - ✓ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - ✓ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - ✓ Các vấn đề đã được thông qua;
 - ✓ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- h. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- i. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- j. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các vấn đề khác

Các vấn đề, nội dung khác liên quan đến việc triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BẮT NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thỏa mãn tiêu chuẩn thành viên HĐQT.

3. Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Công ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm họp và ra quyết định đề cử bổ sung ứng viên với điều kiện ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT như quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với các quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.
2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác
- b) Ít nhất hai thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d) Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác (nếu có).
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn tối đa (07) bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 4. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 5. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 6. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Đối với trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị từ xa bằng email, bằng văn bản: ý kiến phản hồi bằng email hay văn bản (nếu trả lời bằng văn bản thì phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị) phải được gửi cho bộ phận thư ký Hội đồng quản trị chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu hoặc theo thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản/email lấy ý kiến. Ý kiến trả lời bằng văn bản/email của các thành viên Hội đồng quản trị phải được tổng hợp thành biên bản kiểm phiếu, theo đó ghi rõ nội dung cần các thành viên cho ý kiến, các ý kiến trả lời gồm “đồng ý/phản đối/không có ý kiến”. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng email/văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- 12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
15. Biên bản họp Hội đồng quản trị được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:
 - a. Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
 - b. Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
 - c. Biên bản họp có chữ ký của Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản.
16. Căn cứ vào Biên bản họp, Hội đồng quản trị ra Nghị quyết/Quyết định/Thông báo về các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết/Quyết định/Thông báo được gửi tới các đối tượng có liên quan để triển khai thực hiện. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định thì Công ty có trách nhiệm công bố thông tin.

CHƯƠNG IV

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 24. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Đề cử Kiểm soát viên

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Ứng cử Kiểm soát viên

Người ứng cử Kiểm soát viên phải là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, thỏa mãn tiêu chuẩn Kiểm soát viên.

3. Gửi hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử Kiểm soát viên và việc gửi hồ sơ ứng cử, đề cử: thực hiện theo thông báo của Công ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm họp và ra quyết định đề cử bổ sung ứng viên với điều kiện ứng viên được đề cử phải đảm bảo tiêu

chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên như quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu Kiểm soát viên phù hợp với các quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

Điều 26. Cách thức giới thiệu ứng viên Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Kiểm soát viên thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.
2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Thành lập và hoạt động của tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
2. Việc thành lập các tiểu ban Hội đồng quản trị phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh quy định tại Chương này để sửa đổi, bổ sung thêm các nội dung cụ thể về cơ cấu của tiểu

ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên sau khi Đại hội đồng cổ đông đã chính thức chấp thuận việc thành lập tiểu ban đó.

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 30. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc Công ty phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

2. Tiêu chuẩn của những người điều hành khác

- a. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực;
- b. Có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- c. Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, cẩn cán trong công việc;
- d. Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý;
- e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 31. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.
- b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm những người điều hành khác
 - a. Công ty được tuyển dụng những người điều hành khác khi cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty tùy từng thời điểm. Những người điều hành này phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
 - b. Những người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;
 - Tư lợi cá nhân;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu công việc.
 - c. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm những người điều hành này tuân theo quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Công ty từng thời kỳ.

Điều 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/nghị quyết, xin ý kiến

1. Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tùy từng nội dung có thể mời thêm Tổng Giám đốc tham dự. Các khách mời này có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

Khi có yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Nghị quyết/Quyết định Ban kiểm soát được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.
3. Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để báo cáo.
4. Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.
5. Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

1. Tổng Giám đốc có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty

hoặc quyền lợi của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty; Công ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Công ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Công ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện Công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát có quyền đề nghị HĐQT, Tổng Giám đốc triệu tập họp khi xảy ra các sự kiện quy định tại Khoản 6, 7, 8 Điều 165 Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

1. Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.
4. Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 36. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp

tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
3. Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát biết về rủi ro này.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
3. Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

Điều 38. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:
Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:
 - Tự nhận xét đánh giá.
 - Cách thức khác do HĐQT/Ban kiểm soát/Tổng giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
2. HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.

3. Ban Kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

Điều 39. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.

1. Đối với HĐQT, Ban Kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. HĐQT/Ban Kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 39 Quy chế này.
2. Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công ty.
2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 41. Tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người

phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.

Điều 42. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Quyết định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty phải được gửi cho các cá nhân, bộ phận có liên quan tại Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. HĐQT chịu trách nhiệm đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này hoặc có những quy định tại Quy chế này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

Điều 44. Hiệu lực

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 23/4/2018.
2. Trên cơ sở Quy chế này, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ của công ty phù hợp với thực tế tổ chức và hoạt động của công ty để triển khai thực hiện.
3. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các nội dung quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này, thì các quy định tại Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam (“SOTRANS”),

Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng, đồng thời với mục tiêu xây dựng Điều lệ ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty (*Đính kèm Dự thảo*). Các nội dung sửa đổi chính đối với Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Ngoài các sửa đổi tại Phụ lục, Điều lệ mới cũng có sửa đổi chi tiết về cấu trúc, câu từ, thuật ngữ và dẫn chiếu trong Điều lệ mới để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi ý nghĩa). Sau khi xóa bỏ hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số điều khoản của Điều lệ mới cũng thay đổi tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể của Điều lệ theo Dự thảo đính kèm và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung này vào Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện đăng ký Điều lệ với cơ quan có thẩm quyền (nếu có theo quy định luật hiện hành)

và công bố thông tin. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này sẽ thay thế cho bản Điều lệ hiện hành và có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM**

(Đính kèm cùng Tờ trình số 026/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ)

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
1.	Điểm a khoản 1 Điều 1	Điều 1. a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty;	Điều 1. a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần <i>đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp</i> và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC áp dụng đối với công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là “ Thông tư 95 ”)
2.	Điểm c khoản 1 Điều 1	–	Điều 1. ... <i>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 1 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
3.	Điểm d khoản 1 Điều 1	Điều 1. ... d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	Điều 1. ... d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</i>	Sửa đổi để phù hợp với thuật ngữ “Ngày thành lập” tại Điều 1 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
4.	Điểm e khoản 1 Điều 1	Điều 1. ... e. Người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;	Điều 1. ... e. " <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> " là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	Thay khái niệm “Người quản lý công ty” thành “Người điều hành doanh nghiệp” Sửa đổi theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
5.	Điểm f khoản 1 Điều 1	Điều 1. ... f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức	Điều 1. ... f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại	Bổ sung theo nội dung tại Điều 1 của Điều lệ

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	1	được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ;	mẫu tại Thông tư 95
6.	Điểm g khoản 1 Điều 1	–	Điều 1 ... g. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung thuật ngữ theo Luật doanh nghiệp
7.	Điểm k khoản 1 Điều 1	–	Điều 1 ... k. “Công ty mẹ”, “công ty con” là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là “công ty mẹ” hoặc “công ty con”;	Bổ sung thuật ngữ theo Luật doanh nghiệp
8.	Khoản 3 Điều 2	Điều 2. ... 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> o Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam o Điện thoại: (84-8) 3826 6594 o Fax: (84-8) 3826 6593 	Điều 2. ... 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: <ul style="list-style-type: none"> – Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam – Điện thoại: (84-28) 3826 6594 – Fax: (84-28) 3826 6593 	Bổ sung theo nội dung tại Điều 2 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 Cập nhật thông tin mã vùng trên số điện thoại và số fax của Công ty
9.	Khoản 6 Điều 2	Điều 2. ... 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48 hoặc Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Điều 2. ... 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Khoản 2 Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Bổ sung theo nội dung tại Điều 2 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
10.	Khoản 4 Điều 2	Điều 2. ... 4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy 	Bổ sung theo nội dung tại Điều 3 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Điều 13 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p><i>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p><i>5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p>	
11.	Điều 3	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:	Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty <i>1. Ngành, nghề</i> kinh doanh của Công ty	Bổ sung theo nội dung tại Điều 4 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
12.	Điều 4	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <i>theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này</i> , phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. <i>Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 5 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<i>ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i>	
13.	Khoản 3 Điều 5	Điều 5... 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.	Điều 6... 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và <i>cổ phần ưu đãi (nếu có).</i> Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại <i>Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 5 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
14.	Khoản 5 Điều 5	Điều 5... 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần ..., trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	Điều 6... <i>6. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 6 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
15.	Khoản 7 Điều 5	Điều 5... 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều 6... 8. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác <i>khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua</i> và phù hợp với quy định của pháp luật.	Bổ sung theo nội dung tại Điều 6 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
16.	Điều 5	–	Điều 6... <i>9. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị</i>	Bổ sung nội dung tại Điều 125 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;</i></p> <p><i>b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;</i></p> <p><i>c. Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP);</i></p> <p><i>d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền);</i></p> <p><i>e. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.</i></p>	
17.	Khoản 1 Điều 6	<p>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 0 của 0.</p>	<p>Điều 7. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 7 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
18.	Khoản 2 Điều 6	<p>Điều 6...</p> <p>2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng</p>	<p>Điều 7...</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 7 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	<p><i>c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</i></p> <p><i>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</i></p> <p><i>e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</i></p> <p><i>f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</i></p> <p><i>g. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</i></p> <p><i>h. Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117, 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</i></p>	
19.	Khoản 3 Điều 6	Điều 6... 3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	Điều 7... 3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 7 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
20.	Khoản 5 Điều 6	Điều 6.... 5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị	Điều 7.... 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng,	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 7 của Điều lệ

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (<i>phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung</i>)	Lý do
		hông hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	mẫu tại Thông tư 95
21.	Khoản 4,6,7 Điều 6	<p>Điều 6....</p> <p>4.Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>6.Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7.Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 7....</p> <p><i>[khoản này được bãi bỏ]</i></p>	<p>Áp dụng theo nội dung Điều 7 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95.</p> <p>Nội dung cổ phiếu được cụ thể hóa tại Điều 120 luật doanh nghiệp.</p>
22.	Điều 7	<p>Điều 7.</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các</p>	<p>Điều 8.</p> <p><i>Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện</i></p>	Quy định chi tiết hơn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	<i>hành và Điều lệ này.</i>	
23.	Khoản 2 Điều 8	Điều 8.... 2.Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 9... 2.Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, ngợi quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Quy định chi tiết hơn về cổ phần được tự do chuyển nhượng.
24.	Khoản 3 Điều 8	Điều 8.... 3.Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Điều 9... 3.Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 4.Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty có thể phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. 5.Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.	Bổ sung theo Điều 126 Luật Doanh nghiệp và Điều 9 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p>6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>9. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
25.	Khoản 3 Điều 9	Điều 9... 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 0, 0 và Error! Reference source not found. Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	Điều 10... <i>[khoản này được bãi bỏ]</i>	Áp dụng theo nội dung tại Điều 9 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
26.	Khoản 4	Điều 9...	Điều 10...	Sửa đổi theo nội dung

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 9	4.Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	3.Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện.	tại Điều 9 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
27.	Khoản 5 Điều 9	Điều 9... 5.Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Điều 10... 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tương ứng lãi suất huy động kỳ hạn một (01) năm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền lãi vào thời điểm thu hồi.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 9 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
28.	Điểm a Khoản 2 Điều 11	Điều 11... 2.Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a.Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	Điều 12... 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;	Quy định chi tiết hơn
29.	Điểm g Khoản 2 Điều 11	Điều 11... 2.g.Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận	Điều 12... 2. g.Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một	Bổ sung theo nội dung tại Điều 12 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;	phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty <i>sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</i>	
30.	Điểm a Khoản 3 Điều 11	Điều 11... 3.a.Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;	Điều 12... 3.a.Đề cử/ <i>ứng cử</i> các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;	Điều chỉnh dẫn chiếu
31.	Khoản 2 Điều 13	–	Điều 13... 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Áp dụng theo Điều 115 Luật doanh nghiệp
32.	Khoản 2 Điều 12	Điều 12... 2.Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	Điều 13... 2.Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Bổ sung theo nội dung tại Điều 13 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
33.	Khoản 3 Điều 12	Điều 12... 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;	Điều 13... 3. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.	Quy định chi tiết hơn
34.	Điểm c,d Khoản 3 Điều 13	Điều 13... 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	Điều 14... 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 14 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 Quy định chi tiết hơn
35.	Khoản 4	Điều 13...	Điều 14...	Quy định chi tiết hơn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 13	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 2 Điều 13;	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. <i>Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;</i>	
36.	Khoản 1 Điều 14	Điều 14. 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Ban kiểm soát; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	Điều 15. 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị <i>về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i> c. Báo cáo của Ban kiểm soát <i>về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</i> d. <i>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</i> e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; f. <i>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i> g. <i>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</i>	Áp dụng theo khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp
37.	Điểm a Khoản 2 Điều 14	Điều 14... 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề	Điều 15... 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 15 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>...</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và <i>phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc</i></p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm và <i>định hướng phát triển Công ty</i>;</p> <p>...</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i>;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán <i>độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo</i>;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i> và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát</i>;</p>	quy định chi tiết hơn
38.	Khoản 1 Điều 15	Điều 15... 1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện	Điều 16... 1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức</i> đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu <i>được ủy quyền</i> cho mỗi người đại diện	Bổ sung theo nội dung tại Điều 16 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
39.	Điều 15	–	Điều 16. <i>2. Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ theo tỷ lệ cổ phần sở hữu, cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền cử một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền theo nguyên tắc cứ mỗi 10% tổng số cổ phần biểu quyết được quyền cử một (01) người đại diện theo ủy quyền, tối đa năm (05) người.</i>	Quy định chi tiết hơn theo Điều 15 Luật doanh nghiệp
40.	Khoản 1	Điều 16.	Điều 17.	Sửa đổi theo nội dung

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 16	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua...	tại Điều 17 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
41.	Khoản 2 Điều 16	Điều 16... 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.	Điều 17... 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.	Điều chỉnh dẫn chiếu
42.	Khoản 2 Điều 16	Điều 16... 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. d. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ	Điều 17... 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội; d. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội; e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	Bổ sung theo nội dung tại Điều 17 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>đồng theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;</p> <p>g. Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ Đại hội.</p>	
43.	Khoản 3 Điều 17	<p>Điều 17...</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên website của Công ty. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tổ chức lưu ký. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ cho việc nhận thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo họp được đựng trong phong bì dán kín và gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc</p>	<p>Điều 18...</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 17 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71</p> <p>Áp dụng quy định gửi thông báo họp trước ít nhất mười (10) ngày tại Điều 139 Luật doanh nghiệp</p>

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (<i>phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung</i>)	Lý do
		chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên website Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.		
44.	Khoản 4 Điều 18	Điều 17... 4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty <i>ít nhất 5 ngày làm việc</i> trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	Điều 18... 4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty <i>ít nhất ba (03) ngày làm việc</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. <i>Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 18 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
45.	Khoản 4 Điều 18	Điều 18... 4.Theo đề nghị Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.	Điều 19... 4. <i>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.</i>	Điều chỉnh dẫn chiếu
46.	Khoản 1	Điều 19.	Điều 20.	Bổ sung theo nội dung

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 19	1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. <i>Trước khi khai mạc cuộc họp</i> , Công ty phải <i>tiến hành</i> thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông .	tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
47.	Khoản 2 Điều 19	Điều 19... 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội tự chọn trong số các đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu, trong trường hợp đại hội không tự chọn hoặc chọn thiếu thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba (03) người.	Điều 20... 2. <i>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết</i> , trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Bỏ số lượng thẻ biểu quyết “một” Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
48.	Khoản 3 Điều 19	Điều 19... 3. Cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến	Điều 20... 3. Cổ đông <i>hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký</i> . Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn	Bổ sung theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	đăng ký và <i>hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</i>	
49.	Khoản 4 Điều 19	Điều 19... 4... Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	Điều 20... <i>4... Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
50.	Khoản 4,5 Điều 19	Điều 19... 4....Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội....	Điều 20... <i>5.Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. 6.Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 7.Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
51.	Khoản 6 Điều 19	Điều 19... 6.... Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại chỉ xem xét các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông bị trì hoãn trước đó.	Điều 20. <i>9. ...Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
52.	Khoản 10 Điều 19	Điều 19... 10.Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.	Điều 20... 11. <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <i>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
53.	Khoản 11 Điều 19	Điều 19... 11.Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: ... Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Điều 20... 12. <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> , sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: ... <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 20 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
54.	Điểm c Khoản 2 Điều 20	Điều 20... c.....	Điều 21... 3. <i>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử</i>	Bổ sung theo khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<i>viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</i>	
55.	Khoản 2 Điều 20	Điều 20... 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải có đủ các điều kiện sau đây: a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận; b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp chấp thuận: i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; ii. Sửa đổi điều lệ công ty; iii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; iv. Tổ chức lại, giải thể công ty; v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;	Điều 21... <i>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i> ... <i>4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 21 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Điều 144 Luật doanh nghiệp
56.	Điều 20	Điều 20... –	Điều 21... <i>5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 21 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
57.	Khoản 1,2 Điều 21	Điều 21... 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ	Điều 22... <i>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i>	Gộp lại để rút gọn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>đồng bằng văn bản tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p><i>để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</i></p>	
58.	Khoản 4 Điều 21	<p>Điều 21...</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Điều 22.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp;</i></p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số Thẻ căn cước công dân,</i> Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <i>mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</i> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 22 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
59.	Khoản 5 Điều 21	<p>Điều 21...</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không</p>	<p>Điều 22...</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó; hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. <i>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được</i></p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 22 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		tham gia biểu quyết;	<i>đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i> <i>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i> <i>6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i>	
60.	Khoản 7 Điều 21	Điều 21... 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.	Điều 22... 8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 22 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
61.	Khoản 9 Điều 21	Điều 21... 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22... 10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <i>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</i> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo nội dung tại Điều 22 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
62.	Điều 22	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <i>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</i> <i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 23 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><i>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</i> <i>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</i> <i>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</i> <i>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;</i> <i>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</i> <i>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i> <i>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i> Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin</p>	

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>điện tử của công ty.</i></p> <p>3. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p>4. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i></p>	
63.	Điều 23	<p>Điều 23.</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 24.</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông vắng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 23 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71</p> <p>Quy định chi tiết hơn</p>

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
64.	Điều 24	<p>Điều 24.</p> <p>—</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); h. Các thông tin khác (nếu có). 	<p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 23 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71</p>
65.	Khoản 1 Điều 24	<p>Điều 24.</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của</p>	<p>Điều 26.</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không</p>	<p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 150 Luật doanh nghiệp</p>

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	hạn chế. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. <i>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</i> 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <i>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i>	
66.	Khoản 4 Điều 24	Điều 24... 4.d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;	Điều 26... 3.e. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, <i>trừ trường hợp bất khả kháng;</i>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 24 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
67.	Điều 24	Điều 24. –	Điều 26. 2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: <i>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</i> <i>b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</i> <i>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</i>	Bổ sung theo Điều 151 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>d. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này;</i></p> <p><i>e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.</i></p>	
68.	Khoản 2, 3 Điều 25	<p>Điều 25...</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển</p>	<p>Điều 27...</p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p><i>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</i></p> <p><i>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</i></p> <p><i>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</i></p> <p><i>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</i></p> <p><i>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</i></p> <p><i>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty</i></p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 27 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước. Đối với trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, Hội đồng quản trị có quyền quyết định phương án phát hành trái phiếu (loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, đối tượng chào bán, thời điểm phát hành...) đồng thời triển khai việc phát hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p><i>con và các doanh nghiệp khác;</i></p> <p>h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p><i>i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;</i></p> <p><i>j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</i></p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; <i>quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i></p> <p>l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;</p> <p><i>m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i></p> <p><i>n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p><i>o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền.</i></p> <p>p. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p><i>q. Trình báo cáo tài chính năm, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p>	

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p>s. <i>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;</i></p> <p>t. <i>Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</i></p> <p>u. <i>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</i></p> <p>v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	
69.	Khoản 4 Điều 25	<p>Điều 25...</p> <p>4.c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14, Khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;</p> <p>....</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p>	<p>Điều 27...</p> <p><i>3.c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</i></p> <p>...</p> <p><i>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</i></p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 27 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
70.	Khoản 6 Điều 25	<p>Điều 25...</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Điều 27...</p> <p>4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, <i>Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.</i></p>	Quy định chi tiết hơn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
71.	Khoản 7 Điều 25	-	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.</p> <p>...</p> <p>3.... Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>Tách thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thành một điều riêng.</p> <p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 28 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71</p>
72.	Điều 26	<p>Điều 26.</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và nếu cần có thể bầu một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng</p>	<p>Điều 29.</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>d. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>....</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung theo nội dung tại Điều 29 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71</p> <p>Bổ sung quy định chi tiết hơn</p>

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	<i>từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</i> 4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.	
73.	Khoản 3 Điều 27	Điều 27... 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Đa số thành viên Ban kiểm soát.	Điều 30... 3. Các cuộc họp bất thường Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có).	Bổ sung theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
74.	Khoản 7 Điều 27	Điều 27... Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông	Điều 30... Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông	Bổ sung quy định chi tiết hơn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	<i>báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</i>	
75.	Khoản 12 Điều 27	Điều 27... 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.	Điều 30... 9. Hội họp theo hình thức hội nghị trực tuyến <i>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến</i> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <i>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này....</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
76.	Điều 27	Điều 27... –	Điều 30... <i>9. Hình thức biểu quyết</i> <i>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</i> <i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> <i>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71 Quy định chi tiết hơn

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;</i></p> <p><i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</i></p> <p><i>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</i></p>	
77.	Khoản 9 Điều 27	<p>Điều 27...</p> <p>9. ...</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Điều 30...</p> <p>11....</p> <p><i>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</i></p> <p><i>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</i></p> <p><i>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i></p>	Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71 Điều chỉnh dẫn chiếu
78.	Khoản 11	Điều 27...	Điều 30...	Bổ sung, sửa đổi theo

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 27	10. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	13. Nguyên tắc biểu quyết đa số Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
79.	Khoản 14 Điều 27	Điều 27... 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	Điều 30... 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</i> <i>c. Thời gian, địa điểm họp;</i> <i>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</i> <i>e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</i> <i>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</i> <i>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i> <i>h. Các vấn đề đã được thông qua;</i> Biên bản được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau: <i>i. Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc</i> <i>ii. Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc</i>	Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			iii. <i>Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</i>	
80.	Khoản 15, 16 Điều 27	Điều 27. ... 15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.... 16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. <i>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này. Thành viên khác của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. ...</i> 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <i>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</i>	Tách các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thành một điều riêng. Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 30 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
81.	Điều 29	Điều 29. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <i>người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i>	Thay thuật ngữ “cán bộ quản lý” thành “người điều hành doanh nghiệp”. Bổ sung theo nội dung tại Điều 34 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
82.	Điều 30	Điều 30. 1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng	Điều 35. 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong	Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 35 của Điều lệ mẫu tại

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng Giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p>	<p>đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. <i>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</i></p> <p><i>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</i> Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. <i>Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</i></p>	Thông tư 95
83.	Khoản 3 Điều 30	<p>Điều 30...</p> <p>3.b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 35...</p> <p>3.b. Quyết định các vấn đề <i>liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày</i> mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p><i>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i></p>	Quy định chi tiết hơn Bổ sung theo nội dung tại Điều 35 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>...</p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>...</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p>	<p>...</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và <i>người điều hành doanh nghiệp</i> mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm <i>theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</i></p> <p><i>f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</i></p> <p>g. <i>Trong Quý IV hàng năm</i>, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>...</p> <p><i>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</i></p> <p>a. <i>Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</i></p> <p>b. <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</i></p>	
84.	Khoản 5 Điều 30	<p>Điều 30...</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới</p>	<p>Điều 35...</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc <i>khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại</i></p>	Bổ sung, sửa đổi theo nội dung tại Điều 35 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phân phối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.	<i>Khoản này.</i>	
85.	Điều 31.	<p>Điều 31. Thư ký Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>d. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. 4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 32 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.	<p><i>d. Tham dự các cuộc họp;</i> <i>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</i> <i>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</i> <i>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</i> <i>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</i> <i>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</i></p>	
86.	Khoản 2 điều 32	<p>Điều 32...</p> <p>2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p><i>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i> <i>b. Trình độ học vấn;</i> <i>c. Trình độ chuyên môn;</i> <i>d. Quá trình công tác;</i> <i>e. Các thông tin khác (nếu có).</i></p>	Tách điều “ứng cử, đề cử Kiểm soát viên” thành điều riêng Bổ sung theo nội dung tại Điều 36 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	
87.	Khoản 1 Điều 32	<p>Điều 32.</p> <p>1. Ban kiểm soát Công ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của</p>	<p>Điều 37.</p> <p>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 37 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>Công ty. Các kiểm soát viên bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. 	<p><i>trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.</i></p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</i> Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ cho công việc của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (nếu có) để trình Đại hội đồng cổ đông. 	
88.	Khoản 5 Điều 32	<p>Điều 32...</p> <p>5. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên; Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi 	<p>Điều 37...</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; Có đơn từ chức và được chấp thuận; 	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 37 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		<p>đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực hành vi;</p> <p>d. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong thời hạn 6 tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>ii. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>iii. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</i></p> <p><i>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</i></p> <p><i>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p> <p>6. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty;</i></p> <p><i>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</i></p> <p><i>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</i></p> <p><i>e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	
89.	Khoản 1 Điều 33	Điều 33...	Điều 38... <i>k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính</i>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 38 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>của Công ty;</i></p> <p><i>l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</i></p> <p><i>m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i></p> <p><i>n. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p> <p><i>o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p><i>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>	Nghị định 71
90.	Khoản 3 Điều 33	<p>Điều 33...</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<p>Điều 38...</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 38 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
91.	Khoản 4 Điều 33	<p>Điều 33...</p> <p>4. Tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm cho các thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định mỗi năm; Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.</p>	<p><i>tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</i></p> <p>Điều 38...</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 38 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
92.	Điều 35	<p>Điều 35.</p> <p>–</p>	<p>Điều 40.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p>	Bổ sung theo nội dung tại Điều 40 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71
93.	Khoản 2 Điều 35	<p>Điều 35...</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các</p>	<p>Điều 40...</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 40 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95 và Nghị định 71

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.		
94.	Khoản 3 Điều 35	Điều 35... 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Điều 40... 4. <i>Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 5 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</i> , Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <i>người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức</i> có liên quan tới các thành viên nêu trên <i>trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</i>	Quy định chi tiết hơn
95.	Khoản 4 Điều 35	Điều 35... 4. Hợp đồng hoặc giao dịch không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a...b... Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;	Điều 40... 4. Hợp đồng hoặc giao dịch không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: <i>a. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</i> <i>i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</i> <i>ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</i> <i>iii. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</i>	Bổ sung theo Điều 162 Luật doanh nghiệp

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
			<p><i>b. c...</i> Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận <i>khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;</i></p> <p><i>d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</i></p>	
96.	Khoản 3, 4 Điều 37	<p>Điều 37...</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu ... tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>Điều 42...</p> <p>3. Công ty phải lưu ... tại trụ sở chính.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 42 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
97.	Khoản 1 Điều 38	<p>Điều 38...</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p>	<p>Điều 43...</p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p>	Quy định chi tiết hơn
98.	Khoản 1 Điều 43	<p>Điều 43.</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế</p>	<p>Điều 47.</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống chuẩn mực Kế</p>	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 47 của Điều lệ

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
		toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.	mẫu tại Thông tư 95
99.	Khoản 3 Điều 43	Điều 43... 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	Điều 47... 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 47 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
100.	Khoản 1 Điều 44	Điều 44. 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	Điều 48. 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính (hoặc thời gian gia hạn khác theo quy định của pháp luật), Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh dẫn chiếu Sửa đổi theo nội dung tại Điều 48 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
101.	Khoản 4 Điều 44	Điều 44... 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Điều 48... 4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 48 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
102.	Khoản 1 Điều 48	Điều 48. –	Điều 52. 1... d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	Bổ sung theo nội dung tại Điều 52 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
103.	Khoản 3	Điều 51. ...	Điều 54 ...	Sửa đổi theo nội dung

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 51	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Nợ thuế; d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với quy định của pháp luật.	tại Điều 52 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
104.	Khoản 1 Điều 52	Điều 52. ... 1. ... Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười bốn (14) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh....	Điều 55. ... 1. ... Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng chín mươi (90) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh...	Sửa đổi theo nội dung tại Điều 55 của Điều lệ mẫu tại Thông tư 95
105.	Khoản 4 Điều 54	Điều 54. ... 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 57. ... 1. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Quy định cụ thể hơn
106.	Khoản 2	Điều 54. ...	Điều 57. ...	Sửa đổi theo Luật

STT	Điều khoản/Vấn đề sửa đổi	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ nghiêng, in đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do
	Điều 54	<p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>	<i>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.</i>	doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

DỰ THẢO



Dịch vụ kho
Warehousing



Kinh doanh xăng dầu
Petroleum Trading



Vận tải quốc tế
International freight forwarder



Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	18
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	31

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	36
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	41
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	42
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	43
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	43
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	43
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	45
Điều 37. Kiểm soát viên.....	46
Điều 38. Ban kiểm soát.....	47
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	49
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	49
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	50
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	52
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	52
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	53
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	53
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	53
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	53
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	54
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	54
Điều 46. Năm tài chính	54
Điều 47. Chế độ kế toán.....	55
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	55
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	55
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	56
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	56
Điều 50. Kiểm toán.....	56
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	56
Điều 51. Con dấu	56
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	57
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	57
Điều 53. Thanh lý	57

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	58
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	58
CHƯƠNG XX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON.....	58
Điều 55. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con	58
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	59
Điều 56. Điều lệ Công ty	59
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	60
Điều 57. Ngày hiệu lực	60

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam tại đại hội tổ chức vào ngày 23 tháng 4 năm 2018.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Công ty" là Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam;
 - j. "Công ty mẹ", "công ty con" là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là "công ty mẹ" hoặc "công ty con";
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: South Logistics Joint-stock Company
 - Tên Công ty viết tắt: SOTRANS
 - Biểu tượng:



2. Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: (84-28) 3826 6594
 - Fax: (84-28) 3826 6593
 - E-mail: info@sotrans.com.vn
 - Website: www.sotrans.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Khoản 2 Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: vận tải đa phương thức quốc tế.

Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan; Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center). Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hoá chất

có tính độc hại mạnh); Sản xuất, gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn; Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhớt; Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ); Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng; Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phuy sắt - nhựa, Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa; Đại lý bảo hiểm; Cho thuê xe ô tô; Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn. Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Đại lý bán vé tàu thủy; Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông; Làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 854.378.790.000 đồng (Bằng chữ: *Tám trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 85.437.879 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP);
 - d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền);

- e. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 9. Chào bán và Chuyển nhượng cổ phần

1. Việc chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty có thể phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
9. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó

- thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ đúng hạn gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện.
 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tương ứng lãi suất huy động kỳ hạn một (01) năm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền lãi vào thời điểm thu hồi.
 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán chuyên ngành;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử/ứng cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
4. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số

cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ

đồng chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - e. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm và định hướng phát triển Công ty;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ theo tỷ lệ cổ phần sở hữu, cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền cử một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền theo nguyên tắc cứ mỗi 10% tổng số cổ phần biểu quyết được quyền cử một (01) người đại diện theo ủy quyền, tối đa năm (05) người.
2. Đối với việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân đại diện tham dự với số lượng người được ủy quyền phù hợp với quy định nêu tại Khoản 1 Điều này.
 - b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
- d. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì

cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - g. Lập thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo Khoản 2 Điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay

sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết

thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
15. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Khoản 4 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ; hoặc Nghị quyết phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để cổ đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó; hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền.
 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
 7. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ

các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định

khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - g. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Trường hợp là thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này;
 - d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương và các quyền lợi khác của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;
- g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
- h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
- j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
- m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;

- p. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty và các chứng khoán chuyển đổi;
 - q. Trình báo cáo tài chính năm, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - s. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - t. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - u. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
 - d. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

- h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phân vốn góp của Công ty.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo mời họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Điều kiện tiến hành họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Họp theo hình thức hội nghị trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản

trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Nguyên tắc biểu quyết đa số

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;

Biên bản được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:

- i. Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
- ii. Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
- iii. Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban này. Thành viên khác của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị

phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị xem xét kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sẽ không có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ cho công việc của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (nếu có) để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật DN;
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật DN, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- h. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty;
- i. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- l. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh

- ngành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- m. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- n. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm

vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 5 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các

- thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
- c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- e. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó

đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu

tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu quan trọng khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Trong trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Trường hợp cần thiết, Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông

cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào

ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính (hoặc thời gian gia hạn khác theo quy định của pháp luật), Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty, xảy ra giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng chín mươi (90) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Điều 55. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con

1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;

2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty mẹ giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ trực tiếp thay mặt công ty mẹ quản lý các khoản vốn góp của công ty mẹ tại công ty con trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty mẹ sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.
6. Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty con.
7. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.
8. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với những quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

Đặng Vũ Thành

TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần (ITL) mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không thông qua chào mua công khai

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ công văn số CV0104/ITL-2018 ngày 06/4/2018 của Công ty cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần;

Ngày 06/4/2018, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam đã nhận được văn bản số CV0104/ITL-2018 của Công ty cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần (“ITL”) – cổ đông hiện đang sở hữu 33,28% cổ phần SOTRANS, theo đó, ITL đề nghị được nâng tỉ lệ sở hữu tại SOTRANS. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc Công ty cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần nhận chuyển nhượng cổ phần SOTRANS như sau:

1. Thông tin cơ bản về Công ty cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần:

Tên Công ty:	Công ty cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh:	số 0301909173 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2007
Địa chỉ trụ sở chính:	52-54-56 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Vốn điều lệ: 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng)

Sở hữu hiện tại của ITL tại SOTRANS: 28.433.492 cổ phần tương đương 33,28% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

2. Đề nghị tăng tỷ lệ sở hữu của ITL tại SOTRANS:

ITL hiện đang sở hữu 28.433.492 cổ phần tương đương 33,28% vốn điều lệ của SOTRANS. ITL xác định lĩnh vực kinh doanh logistics là lĩnh vực hoạt động nòng cốt và quan trọng của ITL. Theo định hướng này, ITL mong muốn nâng tỉ lệ sở hữu của ITL tại SOTRANS.

Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc đề Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Và Vận Chuyển Indo Trần (ITL) được mua cổ phần của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam và nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần mua: Chấp nhận cho Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Và Vận Chuyển Indo Trần (ITL) mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu SOTRANS với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 43,20% tổng vốn điều lệ của SOTRANS.
- Phương thức mua: Thông qua hình thức mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Sau khi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam thông qua.
- Ủy Quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến nội dung nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

**CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VĂN TUẤN

TỜ TRÌNH

Về việc tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị
và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua:

1. Việc tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 là 06 thành viên. Căn cứ định hướng phát triển kinh doanh và để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty trong giai đoạn sắp tới, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua chủ trương tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 như sau:

- Tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị: **01 (một)** thành viên, nâng số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 từ 06 (sáu) thành viên lên **07 (bảy)** thành viên.

2. Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử hợp lệ.

Số lượng: 01 (một) thành viên

Nhiệm kỳ: 2017-2022

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

THÔNG BÁO

Về thông tin cổ đông hiện tại sở hữu của SOTRANS

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam trân trọng thông báo đến Quý cổ đông Công ty về thông tin cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CP Kho Vận Miền Nam như sau:

Hiện tại, Công ty CP Kho Vận Miền Nam có 02 cổ đông lớn là: Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam và Công ty CP Giao Nhận Vận Chuyển Indo Trần với tổng tỷ lệ sở hữu 88,06% trên vốn điều lệ Công ty. Do vậy, theo Điều 26 Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu SOTRANS hiện không đủ điều kiện duy trì niêm yết trên sàn HSX do không có đủ tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất ba trăm (300) cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Khi đó, cổ phiếu SOTRANS không đủ điều kiện duy trì niêm yết trên sàn HSX và sẽ chuyển về sàn UPCOM.

Hai cổ đông lớn của Công ty đều mong muốn tiếp tục đăng ký mua cổ phần của SOTRANS, trong đó Công ty CP Giao Nhận Vận Chuyển Indo Trần dự kiến mua với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 43,20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Vì vậy, nếu Quý cổ đông có nhu cầu muốn bán cổ phần sở hữu tại Công ty CP Kho Vận Miền Nam thì Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam và Công ty CP Giao Nhận Vận Chuyển Indo Trần sẽ thực hiện mua theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty thông báo để các Quý cổ đông được biết.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN TUẤN

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (SOTRANS),
- Căn cứ Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Kho Vận Miền Nam số /2018/SOTRANS/BB-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2018,

Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Kho Vận Miền Nam tổ chức ngày 23/4/2018 tại thành phố Hồ Chí Minh đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua toàn văn các Báo cáo:

- Báo cáo số 012/2018/SOTRANS/BC-HĐQT ngày 20/3/2018 về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017 ;
- Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 20/3/2018 về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2017;
- Báo cáo số 168/KVMN-BC ngày 06/4/2018 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Kho Vận Miền Nam;

Điều 2: Thông qua toàn văn Tờ trình số 020/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (bao gồm báo cáo tài chính riêng năm 2017 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán).

Điều 3: Thông qua toàn văn Tờ trình số 021/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018, với một số nội dung chính như sau:

- Điều chỉnh hình thức chi trả cổ tức năm 2017: bằng cổ phiếu

Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017:

+ Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu: 15% (Mười lăm phần trăm)

Tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (Tại ngày đăng ký cuối

cùng, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền và cổ đông có 100 cổ phiếu có quyền được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)

- + Số lượng cổ phiếu phát hành: **12.815.681 cổ phiếu**, tương đương 15% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (85.437.879 cổ phiếu).
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá trị phát hành theo mệnh giá: **128.156.810.000 đồng**
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- + Nguồn vốn sử dụng phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật và quyết định các nội dung, công việc, vấn đề phát sinh để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành; Lựa chọn thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền thích hợp và sau khi UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu;
 2. Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sotrans theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
 3. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu, công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật;
 4. Thông qua và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;
 5. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT hiệu chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu, nội dung liên quan đến phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.
- Thông qua cổ tức năm 2018 là 15% trên vốn điều lệ.

Điều 4: Thông qua toàn văn Tờ trình số 022/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	Đồng	885.600.000.000	890.371.887.744	100,54%
2	Tổng chi phí	"	820.650.000.000	822.746.853.694	100,26%
2	Lợi nhuận trước thuế	"	300.847.654.960	296.880.318.937	98,68%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	297.592.654.960	287.414.919.262	96,58%
4	Phân phối lợi nhuận sau thuế:	"			
4.1	Trả cổ tức	%	15%	15%	
	<i>Hình thức chi trả bằng:</i>		<i>tiền mặt</i>	<i>cổ phiếu</i>	
4.2	Thanh toán Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	468.000.000	468.000.000	
4.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	"		3.500.000.000	
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	"	297.196.654.960	281.270.620.877	

Điều 5: Thông qua toàn văn Tờ trình số 023/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

a. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh riêng:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	890.371	1.001.872
2.	Lợi nhuận trước thuế	"	296.880	118.731
3.	Lợi nhuận sau thuế	"	287.414	113.746
4.	Cổ tức	%/năm	15%	15%

b. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
1.	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.454.854	1.657.861
2.	Lợi nhuận trước thuế	"	653.271	202.010
3.	Lợi nhuận sau thuế	"	521.277	171.418

Điều 6: Thông qua toàn văn Tờ trình số 024/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về phương án trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự kiến năm 2018, trong đó tổng thù lao HĐQT, BKS dự kiến 2018 là 1.068.000.000 đồng/năm.

Điều 7: Thông qua toàn văn Tờ trình số 003/TTr-BKS ngày 06/4/2018 của Ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018 như sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Điều 8: Thông qua toàn văn Tờ trình số 025/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam.

Điều 9: Thông qua toàn văn Tờ trình số 026/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam. Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung này vào Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện đăng ký Điều lệ với cơ quan có thẩm quyền (nếu có theo quy định luật hiện hành) và công bố thông tin.

Điều 10: Thông qua toàn văn Tờ trình số 027/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không cần thực hiện chào mua công khai, với nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phần mua: Chấp nhận cho Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Và Vận Chuyển Indo Trần (ITL) mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu SOTRANS với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 43,20% tổng vốn điều lệ của SOTRANS.
- Phương thức mua: Thông qua hình thức mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Sau khi ĐHCĐ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam thông qua.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến nội dung nêu trên.

Điều 11: Thông qua toàn văn Tờ trình số 028/2018/SOTRANS/TTr-HĐQT ngày 06/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc tăng số lượng thành viên HĐQT và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022, với nội dung chính như sau:

- Tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị: **01 (một)** thành viên, nâng số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 từ 06 (sáu) thành viên lên **07 (bảy)** thành viên.

- Thông qua việc bầu cử bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị.
Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung gồm các Ông/Bà:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu
1		

Điều 12: Giao Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Nghị quyết này và báo cáo tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên kỳ tới.

Điều 13: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Kho Vận Miền Nam (SOTRANS) được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 23/4/2018.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Như điều 11;
- Các cổ đông;
- UBCKNN; SGDCK;
- Lưu VT.

NGUYỄN VĂN TUẤN